

# MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA – CON NGƯỜI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ 4.0 ĐẾN VĂN HÓA THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Phạm Ngọc Viễn\*

## 1. Đặt vấn đề

Trong 20 năm đầu của thế kỷ 21, kinh tế thế giới phát triển bùng nổ trong sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ đã tạo ra những thay đổi của mỗi quốc gia. Khi đánh giá về sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, người ta không chỉ đề cập đến phát triển kinh tế (được xác định bằng thu nhập bình quân theo đầu người – GDP), mà còn là những chỉ tiêu toàn diện về trí tuệ, sức khỏe, hưởng thụ văn hóa, mức độ hài lòng của con người (chỉ số hạnh phúc)... Nhiều nước có nền kinh tế phát triển đã thay đổi cơ cấu đầu tư: Quan tâm tới các lĩnh vực xã hội, tăng đầu tư cho văn hóa, thể dục thể thao (TDTT), giáo dục và đào tạo. Cũng từ đó tạo ra sự chênh lệch giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển về hưởng thụ văn hóa và hoạt động TDTT, đặc biệt trong lĩnh vực thể thao thành tích cao (TTTTTC) với cạnh tranh rất lớn. TTTTTTC trong giai đoạn tới đây làm nhiệm vụ đối ngoại nhằm nâng cao vị thế của dân tộc trên trường quốc tế - mang lại niềm vinh quang, tự hào dân tộc, đoàn kết dân tộc. Đối với đấu trường Châu Á và Olympics chúng ta cần xác định nền thể thao Việt Nam đang trong tư thế rượt đuổi, trong tư thế bứt lên, bắt kịp và vượt các mục tiêu ở phía trước. Muốn đạt được mục tiêu đó, Ngành TDTT phải xây dựng môi trường văn hóa để đào tạo nguồn nhân lực cho TTTTTTC, trong đó một yếu tố quan trọng hàng đầu là ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhất (công nghệ 4.0) vào thực tiễn hoạt động TTTTTTC.

## 2. Môi trường văn hóa thể thao

Hoạt động thể thao với tư cách là nền văn hóa thể chất là một bộ phận của môi trường xã hội – đó chính là môi trường trực tiếp để giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho Ngành TDTT.

Môi trường xã hội là yếu tố quan trọng để hình thành những phẩm chất nhân cách tốt của mỗi con người. Môi trường xã hội là:

Tất cả những gì liên quan đến sự giao tiếp xã hội của con người, bao gồm tất cả các mối quan hệ xã hội, các thành tựu văn hóa, khoa học công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), giáo dục; các giá trị và chuẩn mực đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ;

Tổng thể các hoạt động sống của con người: lao động, sinh hoạt, giao tiếp, hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa tinh thần.

Môi trường chi phối đến sự phát triển thông qua pháp chế, pháp luật, thói quen truyền thống, sự đòi hỏi luân lý đạo đức...

Bản chất của môi trường là tính thống nhất vật chất của các yếu tố tự nhiên – con người – xã hội. Các yếu tố này có quan hệ qua lại thống nhất và biện chứng. Hệ thống tự nhiên – con người – xã hội chính là môi trường văn hóa của con người. Hệ thống tự nhiên – con người – xã hội là ba dạng cấu trúc vật chất theo trật tự tiến hóa hữu cơ liên hoàn chặt chẽ, chính là quá trình phát triển của môi trường văn hóa. Chúng hợp thành một hệ thống vật chất liên quan chặt chẽ, ổn định bền vững theo những quy luật về cấu trúc chức năng và cơ chế. Như vậy môi trường văn hóa không chỉ xác định bởi cấu trúc chức năng và quá trình phát triển trong quá trình tương tác của con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Môi trường văn hóa không những chỉ chất lượng của môi trường sống với những giá trị văn hóa mang tính nhân loại, mà còn thể hiện ở tính đặc thù - thí dụ như mối tương tác của con người với môi trường cụ thể (hoạt động thi đấu TDTT) để tạo ra những giá trị tinh thần (thành tích thể thao).

## 3. Tác động của khoa học công nghệ 4.0 đến văn hóa thể thao thành tích cao

\*PGS.TS, Liên đoàn Bóng đá Việt Nam

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

Trong sự hình thành và phát triển nguồn nhân lực cho TTTTC – các tài năng thể thao, các yếu tố môi trường xã hội và tự nhiên là quan trọng. Quá trình xã hội hóa tác động đến sự hình thành tài năng thể thao và nhân cách văn hóa của họ thông qua ảnh hưởng của hai yếu tố môi trường tự nhiên (sinh học) và môi trường xã hội. Quy luật thống nhất giữa các yếu tố tự nhiên và xã hội của con người cho thấy những nét đặc biệt bẩm sinh và di truyền có ở đứa trẻ lúc đầu có tính trội bao nhiêu đi chăng nữa cũng không đóng vai trò quyết định, chi phối sự phát triển sau đó của đứa trẻ. Những năng khiếu thể thao trẻ như Tiến Minh (Cầu lông), Ánh Viên (Bơi lội), Công Phượng, Xuân Trường, Quang Hải... (Bóng đá) nếu không có các yếu tố môi trường đào tạo, nuôi dưỡng tương ứng sẽ không thể trở thành các tài năng thể thao được. Có chăng các yếu tố di truyền, bẩm sinh chỉ dừng lại ở tiềm năng chưa hiện thực chi phối đến sự hình thành tài năng (nhân cách) như một thực thể xã hội.

Giảng dạy, giáo dục, giáo dưỡng... đóng vai trò quyết định trong việc biến những năng khiếu, tài năng thể thao thành nhân tài thể thao.

Nhân tài thể thao là mối quan hệ biện chứng giữa việc phát triển năng khiếu, tài năng thể thao với môi trường đào tạo và bồi dưỡng tài năng đó, tức là phụ thuộc vào môi trường và điều kiện xã hội – những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển năng lực của VĐV.

Môi trường đào tạo VĐV bao gồm:

Chương trình đào tạo huấn luyện (dài hạn, ngắn hạn, chương trình huấn luyện năm...);

Điều kiện chăm sóc y tế (phục hồi chức năng, thực phẩm chức năng với giá trị dinh dưỡng cao...), nuôi dưỡng VĐV đảm bảo tối thiểu 4.000 – 5.000 Kcal/ ngày...;

Đào tạo nghề (kiến thức nghề nghiệp...);

Giáo dục văn hóa, đạo đức lối sống;

Môi trường thi đấu. Ví dụ cho môn bóng đá, các cầu thủ trẻ cần phải được đảm bảo tốt về số lượng các trận thi đấu chính thức trong năm:

- Lứa tuổi 11 – 12 từ 10 – 16 trận/ năm dưới hình thức Festival;

- Lứa tuổi 13 – 14 từ 10 – 16 trận/ năm;

- Lứa tuổi 15 – 16 từ 20 – 24 trận/ năm;

- Lứa tuổi 17 – 18 từ 24 – 28 trận/ năm;

- Cầu thủ chuyên nghiệp 32 – 40 trận/ năm.

Hệ thống đánh giá tập luyện.

- Đánh giá trình độ tập luyện về mặt sự phạm của các VĐV thông qua các nội dung sau:

- Thành tích của VĐV trong các cuộc kiểm tra, thi đấu.

- Thực hiện các chỉ tiêu và lượng vận động tập luyện của VĐV (mức độ hiệu quả của lượng vận động đối với sự phát triển các năng lực thể thao).

- Đánh giá từng yếu tố của năng lực thể thao (kỹ, chiến thuật, thể lực, tâm lý).

- Khả năng chịu tải lượng vận động.

- Việc thực hiện yêu cầu tập luyện.

- Mức độ nhận thức chung và chuyên môn.

- Mối quan hệ của VĐV trong tập thể.

- Phân tích toàn diện và chính xác quá trình tập luyện và thành tích của VĐV.

Để điều chỉnh kế hoạch huấn luyện, người ta sử dụng các test sự phạm, tâm lý, chuyên môn; các tài liệu huấn luyện, nhật kí huấn luyện của HLV, nhật kí tập luyện của VĐV, các yếu tố xác định thành tích và nhịp độ phát triển thành tích.

Đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục và giáo dưỡng (giáo dục nhân cách, giáo dưỡng tri thức) trong quá trình xây dựng kế hoạch huấn luyện.

Trong lĩnh vực TĐTT, công nghệ sinh học và công nghệ nano có liên quan nhiều nhất. Công nghệ sinh học là quá trình ứng dụng công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ enzym và protein, công nghệ vi sinh, công nghệ lên men... ứng dụng khá phổ biến ở các lĩnh vực như dinh dưỡng thể thao, thực phẩm chức năng cho người tập, phân tích gen, tế bào để tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của VĐV.

Khoa học công nghệ nói chung và công nghệ sinh học tác động mạnh mẽ vào quá trình tuyển chọn VĐV trên cơ sở các yếu tố gen di truyền (đặc tính di truyền về thể chất, hình thái, chức năng, trí tuệ, tinh thần và tâm lý) trong đó có những yếu tố di truyền quyết định từ 60% - 90% như đặc điểm thần kinh, khí chất... Ảnh hưởng di truyền của chiều cao chiếm tới 81%. Công nghệ sinh học tham gia tích cực vào việc đánh giá trình độ tập luyện của VĐV như khả năng chịu tải lượng vận động tập luyện và thi đấu, khả năng phục hồi trên cơ sở tỉ trọng cơ đỏ, cơ trắng, hàm lượng testosterone, chức năng miễn dịch...

Vậy vai trò của khoa học công nghệ ở đâu? Về bối cảnh công nghệ các vấn đề chính sẽ được quan tâm là:

1. Phương thức đào tạo VĐV và thị trường hành nghề của VĐV trong môi trường thể thao chuyên nghiệp dưới tác động của cách mạng công nghệ 4.0.

2. Sự thay đổi về phương thức quản lý xã hội hóa thể thao và cách tiếp cận để giải quyết vấn đề môi trường văn hóa trong thể thao chuyên nghiệp (TTCN).

Tiếp cận từ bối cảnh khoa học công nghệ 4.0 thì câu hỏi được đặt ra là các đặc trưng của phương thức đào tạo và quản lý môi trường văn hóa TTCN là gì và làm thế nào để thực hiện bước chuyển của đào tạo và quản lý sang 4.0.

Tiếp cận từ góc độ xem xét các thách thức từ bối cảnh kinh tế, xã hội, môi trường và công nghệ thì câu hỏi đặt ra với đào tạo VĐV là:

1. VĐV cần những năng lực nào để định hình và phát triển trong môi trường TTCN.

2. Bằng cách nào để môi trường văn hóa thể thao có thể giúp VĐV phát triển các năng lực đó một cách có hiệu quả.

#### **4. Các giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thể thao nhằm phát triển nguồn nhân lực cho thể thao thành tích cao - thể thao chuyên nghiệp**

Cuộc cách mạng khoa học 4.0 có khả năng bùng nổ trong vòng 10 năm tới. TTTTC của Việt Nam cần phải có những mũi đột phá để vượt lên phía trước trong xu thế hội nhập quốc tế vừa hợp tác, vừa cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia do đó điều quan trọng là phải tạo ra môi trường văn hóa TTCN kể cả về quản lý và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho TTTTC – TTCN.

Thể thao chuyên nghiệp được hình thành và phát triển dưới sự ảnh hưởng của môi trường chính trị, xã hội, kinh tế và sự nhiệt thành của người hâm mộ. Các môi trường đó rất năng động do có nhiều đối tác tham gia vào hoạt động với nhu cầu đa dạng khác nhau, do đó các VĐV và các nhà quản lý TTCN phải nhanh chóng thích ứng với những hoàn cảnh thay đổi đó. Đáp lại các nhu cầu khác nhau (giải trí, kinh tế, chính trị,..) của các đối tượng quan tâm đến TTCN, các dịch vụ và các chương trình

chiến lược hoạt động của ngành TDTT cũng càng trở nên đa dạng và phong phú hơn.

Dưới đây là một số giải pháp chủ yếu mang tính đột phá:

+ Đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà nước về phát triển TTTTC – TTCN

+ Đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về TTTTC – chuyển sang cơ chế quản lý chuyên nghiệp hóa.

+ Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động TTCN; tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển TTTTC và TTCN

+ Đổi mới cơ chế tổ chức, nội dung tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao theo định hướng chuyên nghiệp. Tăng cường nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cho công tác đào tạo tài năng TTTTC.

+ Quy hoạch vùng, ngành trọng điểm tuyển chọn, đào tạo tài năng cho các môn thể thao trọng điểm; xác định rõ các môn thể thao trọng điểm, các trung tâm huấn luyện nâng cao thành tích thể thao, các câu lạc bộ TTCN.

+ Tăng cường giáo dục đạo đức thể thao và đào tạo nghề đối với các VĐV TTTTC và TTCN.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức xã hội về TTTTC và TTCN.

- Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và đầu tư có chiều sâu có trọng điểm về tài chính.

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (HLV, VĐV); xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia vững về tư tưởng, giỏi về nghiệp vụ.

+ Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, thực hiện quy hoạch các thiết chế về thể thao, các công trình trọng điểm quốc gia. Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm, trang thiết bị cho việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào TTTTC và TTCN.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và y học thể thao.

+ Phát triển khoa học, công nghệ và y học thể thao gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực;

+ Tăng cường kết hợp huấn luyện thể thao với nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ y học thể thao vào việc nâng cao thành tích thể thao.